

Số: 783 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chính sách
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư lệnh Thành phố

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các
Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình
số 4149/TTr-SLĐTBXH ngày 20 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chính sách thuộc phạm vi, chức năng quản lý của
Bộ Tư lệnh Thành phố.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của
Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen>
(CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố danh mục thủ tục ban hành kèm theo Quyết định số
3492/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành
phố về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chính sách người có công
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư lệnh Thành phố (do Sở Lao động -
Thương binh và Xã hội tiếp nhận) và Quyết định số 5905/QĐ-UBND ngày 20
tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố
danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chính sách thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tư lệnh Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP: Cục KSTTHC;
- TTUB: CT;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- Trung tâm tin học, Trung tâm Công báo;
- Phòng Kiểm soát TTHC;
- Lưu: VT, KSTT/Tr.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đông Ngọc Hải



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH

Kèm theo Quyết định số 783 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Lao động – Thương binh và xã hội

	Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công đã chuyển ra	<ul style="list-style-type: none">Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: 24 ngày.Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung: 30 ngày.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ 159 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none">Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09/12/2020;Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công;Thông tư số 55/2022/TT-BQP ngày 27/7/2022 của Bộ trưởng	<p>1. Điều chỉnh thời gian giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none">Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: 24 ngàyCơ quan, đơn vị có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung: 30 ngày <p>2. Điều chỉnh trình tự thực hiện:</p> <p>Bổ sung bước 4: Sở Lao động</p> <ul style="list-style-type: none">Thương binh và Xã hội trong thời gian 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản sửa đổi, bổ sung thông tin của cơ quan có thẩm quyền, có trách nhiệm ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung thông tin trong hồ sơ người có công theo Mẫu số 75 và gửi thông báo điều chỉnh thông tin đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (căn cứ tại điểm b khoản 3 Điều 130 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy trình công nhận và thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc Phòng;</p> <p>- Quyết định số 6225/QĐ-BQP ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công bố thủ tục hành chính hiện hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.</p>	<p>tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng).</p>

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia	25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể: - Hội đồng chính sách xã (phường): Không quá 05 ngày làm việc;	Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (Hội đồng chính sách xã)	Không	<p>- Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	<p>- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện: Không quá 10 ngày làm việc;</p> <p>- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh (bao gồm cả thời gian Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định): Không quá 10 ngày làm việc.</p>			<p>- Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;</p>
2	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	<p>25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:</p> <p>- Hội đồng chính sách xã (phường): Không quá 05 ngày làm việc;</p> <p>- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện: Không quá 10 ngày làm việc;</p> <p>- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh: Không quá 10 ngày làm việc.</p>	Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (Hội đồng chính sách xã)	Không	<p>- Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.</p> <p>- Quyết định số 6225/QĐ-BQP ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công bố thủ tục hành chính hiện hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.</p>